

Phụ lục 1

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM TRƯỜNG MẦM NON OZORA NHẬT BẢN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025 THÁNG 06 NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Trường: Trường Mầm non OZORA NHẬT BẢN,

Được thành lập từ tháng 04 năm 2016 theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 30/03/2016 của Ủy ban nhân Quận 7 về việc cho phép thành lập trường Mầm non Ozora Nhật Bản; được phép tổ chức hoạt động giáo dục theo Quyết định số 859/QĐ-GDĐT ngày 30/03/2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7.

2. Địa chỉ: số 8-10, Đường Số 20, Khu phố Mỹ Gia, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Số điện thoại: 028.37713999

Email: ozorakindergarten@gmail.com

Trang thông tin điện tử: <https://www.ozorahcmc.com>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình: Trường mầm non tư thục

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM

4. Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ em Nhật Bản sinh sống tại Việt Nam hiểu được văn hóa đất nước Nhật Bản, ý thức được mình là người Nhật Bản, có cơ hội được giao tiếp, sử dụng tiếng Nhật như tiếng mẹ đẻ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tại Việt Nam. Trao dồi kỹ năng hội nhập quốc tế cùng nhau hòa nhập, trở thành bạn bè với tất cả mọi người ở nhiều quốc gia, giao lưu với mọi người ở những khu vực địa lý khác nhau, học hỏi văn hóa của các nước khác.

Sau khi học ở Trường Mầm non Ozora Nhật Bản, khi trở về Nhật Bản, các bé có thể hòa nhập một cách dễ dàng vào các trường tiểu học Nhật Bản.

5. Thông tin người đại diện pháp lý

Hiệu trưởng: **Nguyễn Trinh Tần** - được công nhận theo Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 08 tháng 04 năm 2025 do Ủy Ban Nhân Dân Quận 7-Phòng Giáo dục & Đào Tạo Quận 7 về việc công nhận lại hiệu trưởng.

Thông tin liên lạc: 0903 730 992

Địa chỉ Email: nguyentrinht_3@ymail.com

6. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Mầm non OZORA NHẬT BẢN là cơ sở giáo dục mầm non tư thục có vốn đầu tư của cá nhân người Nhật Bản. Nhà trường thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng tuổi đến 06 tuổi.

1. Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo quy định quản lý Nhà nước tại địa phương, phù hợp với đặc thù của giáo dục Nhật Bản, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

2. Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quốc tịch Nhật Bản từ 24 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non Nhật Bản do Bộ Giáo dục Nhật Bản ban hành.

3. Chủ động tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc trong nhà trường; quản lý và sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý điều hành.

6. Huy động trẻ em Nhật Bản trong độ tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật;

7. Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

8. Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

9. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động khác trong cộng đồng.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn tìm tòi học hỏi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ.

Stt	Nội dung	Tổng Số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp			
			Th.s	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	19	01	05	03	06	05	06	05	08	

Stt	Nội dung	Tổng Số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp			
			Th.s	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Giáo viên	04									
1	Nhà trẻ	01			01				01		
2	Mẫu giáo	03	01	02				03			
II	Cán bộ quản lý	01	01	01				01			
1	Hiệu trưởng	01		01							
III	Nhân viên	14									
1	Nhân viên văn thư	01		01				01			
2	Nhân viên kế toán	01		01				01			
3	Nhân viên y tế	01			01			01			
4	Nhân viên khác	11			02	04	05	02	04	05	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	04	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	502.9	19
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	250	9.5
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	369.5	14
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	50	1.9
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	144	5.5
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	60	2.3
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40	1.5
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	50	1.9
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	04/04 lớp	Số bộ/nhóm (lớp)



Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	01bộ/ lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	03	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	02	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	0	Số thiết bị/nhóm (lớp)
	Không có		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		02	02 nam 02 nữ	04 m ² /bé	Nam: 1 m ² / bé Nữ: 2.3m ² / bé

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường hiện có quy mô 04 nhóm lớp nên chưa triển khai thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục trong trường mầm non theo Thông tư 19/2018/TT-GDĐT ngày 22/08/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Stt	Nội dung	Tổng số	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			19-24 tháng	24- 36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em						
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	47	0	9	7	16	15
2	Số trẻ em khuyết tật học hoà nhập	0					
3	Số trẻ phổ cập GDMN 5 tuổi	15					15
II	Số trẻ em được ăn bán trú	47	0	9	7	16	15
III	Số trẻ em được định kỳ kiểm tra sức khỏe	47	0	9	7	16	15
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	47	0	9	7	16	15
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	47	0	9	7	16	15
1	- Số trẻ em cân nặng bình thường	46	0	9	7	15	15
2	- Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0					
3	- Số trẻ em có chiều cao bình thường	47	0	9	7	16	15
4	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0					
5	- Số trẻ thừa cân béo phì					1	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu	
	- Từ NSNN cấp	
	- Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	- Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí	
	- Chi phí hoạt động	
	- Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	- Chi phí hoạt động thu phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
1	Doanh thu	8,942,195,430
2	Chi phí	8,150,468,893
3	Thặng dư/thâm hụt	791,726,537
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	3,381,748
2	Chi phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	3,381,748
IV	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	1,678
2	Chi phí khác	
3	Thặng dư/thâm hụt	1,678
V	Chi phí thuế TNDN	259,285,130
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	535,824,832

2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh:

Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1/Học phí/tháng	12,906,400	12,906,400
2/ Tiền xe đưa đón trẻ	3,226,600	3,226,600

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

Triển khai thực hiện chuyên đề xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025 tại đơn vị, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong nhà trường, chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng cho việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Thực hiện tốt các chỉ tiêu cần đạt trong năm học 2025-2026. Thực hiện tốt các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, an toàn thực phẩm.

Cập nhật đầy đủ mã định danh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh 100%. Từng bước thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường /.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trinh Tàn